



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF
Accountants &
business advisers

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 38

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (gọi tắt là “Công ty mẹ”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty mẹ và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính: Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Điện thoại: (0254) 385 6445
Fax: (0254) 385 6444
Website: <http://www.vungtautourist.com.vn>
Email: info@vungtautourist.com

Vốn điều lệ: 186.445.000.000 đồng.
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.
Tổng số cổ phần: 18.644.500 cổ phần.
Vốn thực góp tại ngày 31/12/2021: 186.445.000.000 VND.
Mã chứng khoán: VTG.

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Tình hình hoạt động
Khu du lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đang hoạt động
Khách sạn Vũng Tàu – Sammy	Số 157 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đang hoạt động
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Tạm ngưng hoạt động
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Đang hoạt động
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 275 F Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Tạm ngưng hoạt động từ ngày 31 tháng 12 năm 2019 đến ngày 12 tháng 02 năm 2023
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Tạm ngưng hoạt động từ ngày 01 tháng 11 năm 2020 đến ngày 12 tháng 02 năm 2023

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ, đồ uống có cồn (rượu, bia), đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước khoáng, nước tinh khiết, cà phê, trà), thuốc lá điếu sản xuất trong nước, dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, phòng hát karaoke, massage, vũ trường, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu, dịch vụ du lịch lữ hành trong và ngoài nước, dịch vụ bãi tắm, bãi biển (đi du thuyền), đưa thuyền, leo núi, cưỡi thuyền bay; Kinh doanh dịch vụ quảng cáo; Kinh doanh bãi tắm, bãi biển; Hoạt động thể thao dưới nước, ...

2. Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty mẹ trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Thái Hoàng Thân	Chủ tịch	18/04/2019
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Thành viên/ Kế toán trưởng	20/10/2017
Ông Nguyễn Tiến Mạnh	Thành viên	18/04/2019

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Lý	Trưởng ban	20/10/2017
Bà Nguyễn Thị Thành	Thành viên	20/10/2017
Bà Vũ Ngọc Linh	Thành viên	20/10/2017

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lê Chí Toàn	Phó Tổng Giám đốc	08/03/2018

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Thái Hoàng Thân	Chủ tịch	03/09/2020

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính và sau ngày kết thúc năm tài chính

Các sự kiện quan trọng bao gồm:

1. Từ đầu năm 2021, sự tiếp tục lây lan của dịch bệnh Covid 19 đã, đang tác động đến nền kinh tế của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Đặc biệt, các hoạt động kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, lữ hành và các khu du lịch giải trí đã phải chịu ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

Tại ngày lập báo cáo này, tình hình dịch bệnh Covid 19 tiếp tục ảnh hưởng có tác động tiêu cực đến mọi hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế và xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ. Công ty mẹ đã tạm đình chỉ các hoạt động nhà hàng, khách sạn và lữ hành theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về "Thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid 19" và Ủy ban nhân dân Thành phố Vũng Tàu. Ban Giám đốc Công ty mẹ đã có những đánh giá mức độ ảnh hưởng do dịch bệnh Covid 19 tác động và chủ động xem xét lại các chiến lược kinh doanh để ứng phó với tình hình kinh doanh hiện tại.

2. Tập đoàn nhận được Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 13/08/2021 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thu hồi đất tại số 08 Thùy Vân (phía biển), Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu (Khu du lịch Biển Đông) mà Công ty mẹ sử dụng từ tháng 11 năm 1999 cho đến nay và số 06 Thùy Vân (phía biển), Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu (Khu du lịch Nghinh Phong) mà công ty con sử dụng từ năm 2013 cho đến nay, nhưng không có hợp đồng thuê đất, thuê mặt bằng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, UBND thành phố Vũng Tàu đang thực hiện công tác thu hồi và dự kiến đền bù theo quy định của pháp luật.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



THẬT HOÀNG THÂN
Chủ tịch

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022, từ trang 6 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Như được nêu tại Thuyết minh 8.2 – Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và công ty con – Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong chưa ghi nhận các khoản tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư mà theo chúng tôi là cần được ghi nhận cho phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:
 - Theo Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/09/2018, Quyết định số 172/QĐ-TTr và Quyết định số 182/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty mẹ chưa ghi nhận chi phí thuê đất từ năm 2006 đến năm 2017 với số tiền là 91.099.278.151 VND và tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư với số tiền là 3.658.061.609 VND tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân. Bên cạnh đó, Công ty mẹ cũng chưa ghi nhận chi phí thuê đất theo các Thông báo tạm nộp của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu cho năm tài chính 2018, 2019, 2020 và 2021 lần lượt là 9.374.460.461 VND, 14.302.492.149 VND, 18.639.365.097 VND và 20.606.698.652 VND.
 - Theo Quyết định số 173/QĐ-TTr và Quyết định số 177/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, công ty con – Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong chưa ghi nhận chi phí thuê đất từ ngày 10 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 tại Khu du lịch Nghinh Phong – Khu vực bãi tắm Thùy Vân là 28.397.591.059 VND và tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật (đoạn Ngã 3 Đài liệt sỹ đến Tôm Càng Xanh) mà công ty con đang quản lý và sử dụng là 3.582.625.227 VND. Bên cạnh đó, công ty con cũng chưa ghi nhận chi phí thuê đất theo các Thông báo tạm nộp của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu cho năm tài chính 2018, 2019, 2020 và 2021 lần lượt là 5.283.594.979 VND, 7.946.978.002 VND, 10.290.158.966 VND và 12.039.743.854 VND.

Theo đó, chúng tôi không có cơ sở xác định giá trị tiền thuê đất đã bị ghi thiếu từ các năm tài chính 2006 cho đến năm tài chính 2021, cũng như các điều chỉnh hồi tố liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất các năm trước của Tập đoàn.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất chưa phản ánh các khoản tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng với số tiền là 225.221.048.206 VND. Nếu phản ánh đầy đủ các khoản này vào Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ tăng và giảm tương ứng.

2. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết không được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 do các công ty liên kết không cung cấp báo cáo tài chính.

Ngoài ra, chúng tôi không thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tập đoàn. Do đó, chúng tôi không có cơ sở đánh giá ảnh hưởng đến việc trích lập dự phòng cũng như các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 8.4 – Thuyết minh báo cáo tài chính. Tập đoàn nhận được Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 13/08/2021 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thu hồi đất tại số 08 Thùy Vân (phía biển), Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu (Khu du lịch Biển Đông) mà Công ty mẹ sử dụng từ tháng 11 năm 1999 cho đến nay và số 06 Thùy Vân (phía biển), Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu (Khu du lịch Nghinh Phong) mà công ty con sử dụng từ năm 2013 cho đến nay, nhưng không có hợp đồng thuê đất, thuê mặt bằng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, UBND thành phố Vũng Tàu đang thực hiện công tác thu hồi và dự kiến đền bù theo quy định của pháp luật.



BUI TUYẾT VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2018-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2022

NGUYỄN NGỌC THÙY DUNG
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2782-2019-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT


Ngày 31 tháng 12 năm 2021


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72.888.035.582	70.405.222.603
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	13.155.442.523	21.709.010.385
Tiền	111		9.155.442.523	8.609.010.385
Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	13.100.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.000.000.000	30.500.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5.2.1	-	2.452.372.777
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2.1	-	(2.452.372.777)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.2	24.000.000.000	30.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.928.096.360	14.082.938.035
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	23.984.508.964	20.107.547.533
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.451.014.225	1.404.767.225
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	5.605.021.830	5.605.021.830
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	6.879.610.438	6.462.464.106
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(21.992.059.097)	(19.496.862.659)
Hàng tồn kho	140	5.8	954.111.288	1.035.120.103
Hàng tồn kho	141		954.111.288	1.035.120.103
Tài sản ngắn hạn khác	150		18.850.385.411	3.078.154.080
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	195.752.846	389.023.473
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.382.143.506	2.380.977.863
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	16.272.489.059	308.152.744
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.175.282.262	143.202.003.894
Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	500.000.000	500.000.000
Tài sản cố định	220		72.967.931.774	82.276.240.154
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	72.967.931.774	82.276.240.154
Nguyên giá	222		192.274.137.046	194.505.526.563
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(119.306.205.272)	(112.229.286.409)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		581.801.000	581.801.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(581.801.000)	(581.801.000)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		56.397.962.346	55.799.005.750
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.11.1	12.367.276.205	8.793.922.151
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.11.2	62.977.614.431	60.525.241.654
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.11.2	(18.946.928.290)	(13.520.158.055)
Tài sản dài hạn khác	260		2.309.388.142	4.626.757.990
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	2.309.388.142	4.626.757.990
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		205.063.317.844	213.607.226.497

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		61.585.112.738	50.981.460.049
Nợ ngắn hạn	310		46.935.571.475	36.300.401.786
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	2.130.016.727	1.561.624.249
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		298.410.411	271.349.863
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	29.964.514.593	19.977.622.729
Phải trả người lao động	314		23.849.153	164.592.941
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		580.900.000	331.199.550
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		66.536.367	101.863.637
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14.1	13.709.418.558	13.700.123.151
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		161.925.666	192.025.666
Nợ dài hạn	330		14.649.541.263	14.681.058.263
Phải trả dài hạn khác	337	5.14.2	597.198.650	628.715.650
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	14.052.342.613	14.052.342.613
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		143.478.205.106	162.625.766.448
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	143.478.205.106	162.625.766.448
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		186.445.000.000	186.445.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		186.445.000.000	186.445.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		11.238.309.719	11.238.309.719
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(63.074.492.716)	(44.333.459.259)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(44.333.459.259)	(27.089.109.346)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		(18.741.033.457)	(17.244.349.913)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.869.388.103	9.275.915.988
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		205.063.317.844	213.607.226.497


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng



THÁI HOÀNG THÂN
Chủ tịch
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2022


CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU


Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	44.587.365.891	73.168.437.447
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		44.587.365.891	73.168.437.447
Giá vốn hàng bán	11	6.2	29.021.766.670	41.834.048.578
Lợi nhuận gộp	20		15.565.599.221	31.334.388.869
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.511.290.518	7.238.929.760
Chi phí tài chính	22	6.4	2.974.397.458	5.115.067.758
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Phản lãi/ (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		(65.813.028)	(433.579.637)
Chi phí bán hàng	25	6.5	10.256.029.991	19.833.369.815
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	25.692.859.632	29.821.229.295
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(19.912.210.370)	(16.629.927.876)
Thu nhập khác	31	6.7	1.123.442.070	249.210.588
Chi phí khác	32	6.8	358.793.042	219.378.680
Lợi nhuận khác	40		764.649.028	29.831.908
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(19.147.561.342)	(16.600.095.968)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	-	165.143.081
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(19.147.561.342)	(16.765.239.049)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(18.741.033.457)	(17.244.349.913)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(406.527.885)	479.110.864
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	(1.005)	(925)


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng



THÁI HOÀNG THÂN
Chủ tịch
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU


Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(19.147.561.342)	(16.600.095.968)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.308.308.380	9.630.374.098
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	5.469.593.896	4.988.988.932
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(40.655)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.521.169.693)	(6.805.251.417)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	(8.890.828.759)	(8.786.025.010)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(19.349.994.471)	21.253.377
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	81.008.815	405.685.519
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	10.262.985.506	818.968.769
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	2.510.640.475	3.342.266.486
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(50.000.000)	(544.987.476)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(30.100.000)	(27.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.466.288.434)	(4.770.638.335)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(208.360.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	1.075.692.203	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(53.000.000.000)	(43.282.922.309)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	58.000.000.000	38.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.639.167.082)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	7.877.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.976.195.451	5.271.547.376
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.412.720.572	8.157.265.067
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	100.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	1.400.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(637.910.710)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.500.000.000	(637.910.710)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(8.553.567.862)	2.748.716.022
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	21.709.010.385	18.960.253.708
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	40.655
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	13.155.442.523	21.709.010.385


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng


THÁI HOÀNG THÂN
Chủ tịch

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ:	186.445.000.000 VND
Mệnh giá cổ phần:	10.000 VND
Tổng số cổ phần:	18.644.500 cổ phần
Vốn thực góp tại ngày 31/12/2019:	186.445.000.000 VND
Mã chứng khoán	VTG

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Các công ty trong Tập đoàn kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty mẹ là:

- Bán buôn gạo;
- Mua bán cá và thủy sản, mua bán lương thực;
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; bán buôn dụng cụ y tế; bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và phế phẩm vệ sinh; bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; mua bán thiết bị - dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổ áp, máy phát, dây chỉ, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), máy nông ngư cơ, thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng;
- Bán buôn phân bón và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, bán buôn hóa chất dạng nguyên sinh (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông); bán buôn cao su, bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Bán buôn hợp nhất;
- Chở khách du lịch bằng xe xích lô;
- Đại lý vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy, ô tô; Đại lý khai thuế hải quan;
- Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Cho thuê xe ô tô;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ (trừ kinh doanh quầy bar, quán giải khát có khiêu vũ);
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong và ngoài nước;
- Dịch vụ kinh doanh massage, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu;
- Dịch vụ phòng hát karaoke, kinh doanh vũ trường; Dịch vụ bãi tắm, bãi biển;
- Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ;
- Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Mua bán đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết, cà phê, trà); Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
- Dịch vụ bãi biển (đi du thuyền);
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Hoạt động thể thao dưới nước, đua thuyền, leo núi, cưỡi thuyền bay;
- Dịch vụ giặt là;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Dịch vụ trang trí phong cảnh;
- Dịch vụ chống mối mọt;
- Dịch vụ sửa chữa – bảo dưỡng trang thiết bị gia dụng, điều hòa không khí;
- In lụa, in offset, in khắc gỗ, in ống đồng;
- Mua bán vải, hàng may sẵn, Mua bán giày dép; rèm, màn, ga trải giường, đồ thêu dệt;
- Mua bán xe ô tô (cũ và mới), Mua bán xe tải, rơ moóc, xe đặc chủng, xe địa hình, xe thể thao;
- Mua bán vật liệu xây dựng: cát, đá, sỏi, gạch ngói, xi măng;
- Mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ;
- Mua bán xăm lốp xe có động cơ, các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ (ắc quy);
- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu; Kinh doanh thiết bị chụp ảnh, tráng phim, tấm kính ảnh, máy quay camera cá nhân;
- Mua bán nông sản thô chưa chế biến (lông động vật, da chưa thuộc, tơ, len thô), nông sản sơ chế (trừ hạt điều, bông vải);
- Mua bán sắt thép xây dựng, tôn và thép lá, khung nhôm, khung đồng;
- Cho thuê áo cưới, phòng cưới, quay phim, chụp ảnh, nhạc cụ;
- Trang trí các buổi biểu diễn, tổ chức sự kiện và hội chợ;
- Cắt tóc, trang điểm;
- Dịch vụ các hoạt động nhiếp ảnh;
- Hoạt động thu gom rác thải sinh hoạt;
- Dịch vụ quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;
- Sản xuất các loại khăn lạnh, khăn giấy;
- Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và công trình hạ tầng trên đất để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và công trình hạ tầng trên đất để cho thuê, thuê quyền sử dụng đất có hạ tầng để cho thuê lại;
- Dịch vụ vệ sinh nhà ở, công sở, nhà hàng, khách sạn, biệt thự, hồ bơi, cống rãnh;
- Vận tải hành khách và khách du lịch bằng ô tô; và
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ áp dụng loại hình dịch vụ này cho: Chi nhánh Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – Khu du lịch Biển Đông, địa chỉ: 08 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Khách sạn Vũng Tàu – Sammy, địa chỉ: 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của các công ty trong Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.5 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 224 người (31/12/2020: 348 người).

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các Báo cáo tài chính hợp nhất của năm trước.

1.7 Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tên Công ty	Địa chỉ	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
			%	%	
Công ty con					
Công ty cổ phần Du lịch Thủy Vân	Số 115 Thủy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 49003000221 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30/06/2017	50,07	50,07	Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Ăn uống; Lữ hành nội địa và quốc tế; Kinh doanh bãi biển, đi du thuyền; Hoạt động giải trí ca nô, trượt nước, ca nô kéo dù; Mua bán đồ dùng cá nhân, đồ trang sức; Mua bán quần áo may sẵn, đồ thể thao; Đại lý bán vé máy bay, tàu thủy, tàu hỏa cho khách du lịch.
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Số 06 Thủy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 3502213663 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/09/2019	96,18	96,18	Hoạt động vui chơi, giải trí; Dịch vụ du lịch ngắn ngày; Nhà hàng ăn uống, phục vụ lưu động; Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí.
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu ("VTTour")	29 Trần Hưng Đạo, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		100,00	100,00	Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong nước và quốc tế.

Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định giải thể Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu trong năm 2016. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu được chuyển giao cho Công ty mẹ. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu đang tiến hành các thủ tục giải thể có liên quan.

Công ty liên kết

Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	Số 65 Huyền Trân Công Chúa, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 3500770108, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26/09/2015	26,53	26,53	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch. Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch.
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Số 207 Võ Thị Sáu, phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 3501454916 ngày 28/08/2009	35,00	35,00	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; Khách sạn, biệt thự có kinh doanh du lịch, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Khu du lịch Biển Đông	Số 08 Thủy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Khách sạn Vũng Tàu - Sammy	Số 157 Thủy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Khách sạn Thủy Vân	Số 115 Thủy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 275 F Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
	Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định tạm ngưng hoạt động của Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh trong năm 2018 và Chi nhánh Vũng Tàu trong năm 2019 do kinh doanh hiệu quả thấp, lỗ liên tiếp nhiều năm.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của các công ty trong Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua –

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp mua lại công ty khác có giá mua cao hơn giá trị sổ sách. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm chi phí bảo hiểm, internet được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí theo thời gian hiệu lực còn lại của các hợp đồng đã ký kết.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc và thiết bị	04 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.15 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.16 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	1.482.993.518	3.430.777.040
Tiền mặt tồn quỹ - USD	2.298.000	2.298.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	7.664.877.743	5.170.662.083
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	5.273.262	5.273.262
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng - VND	4.000.000.000	13.100.000.000
	13.155.442.523	21.709.010.385

Chi tiết số dư tiền và các khoản tương đương tiền có gốc ngoại tệ:

	31/12/2021	01/01/2021
Gốc ngoại tệ - USD	332,20	332,20
Tương đương - VND	7.571.262	7.571.262

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

5.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	Giá gốc	31/12/2021	Giá trị	Giá gốc	01/01/2021	Giá trị
	VND	Dự phòng	hợp lý	VND	Dự phòng	hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu						
Công ty cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	-	-	-	2.452.372.777	(2.452.372.777)	-
	-	-	-	2.452.372.777	(2.452.372.777)	-

Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	2.452.372.777	2.452.372.777
Phân loại lại sang đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(2.452.372.777)	-
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>2.452.372.777</u>
5.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Tiền gửi tiết kiệm từ 03 tháng đến dưới 1 năm</i>		
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	-	16.500.000.000
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - CN Vũng Tàu	8.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Vũng Tàu	16.000.000.000	14.000.000.000
	<u>24.000.000.000</u>	<u>30.500.000.000</u>
5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	107.732.930	107.732.930
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện Thành Công	3.878.297.384	3.878.297.384
Công ty TNHH Hoàng Trung	2.466.577.510	2.466.577.510
Công ty TNHH Du lịch Kim Thiện An	5.428.508.862	4.091.412.494
Phải thu các khách hàng khác	12.103.392.278	9.563.527.215
	<u>23.984.508.964</u>	<u>20.107.547.533</u>
5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Trả trước cho nhà cung cấp khác</i>		
Doanh nghiệp tư nhân Minh Tuấn	964.454.130	964.454.130
Công ty TNHH TMDV Chinh Phong	176.542.459	176.542.459
Công ty TNHH XD - DV - TM - DL Long Thái Hà	168.181.818	168.181.818
Các nhà cung cấp khác	141.835.818	95.588.818
	<u>1.451.014.225</u>	<u>1.404.767.225</u>
5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Ông Nguyễn Vũ Hưng	2.821.494.269	2.821.494.269
Ông Đỗ Minh Đức	2.783.527.561	2.783.527.561
	<u>5.605.021.830</u>	<u>5.605.021.830</u>

Khoản tiền cho các cổ đông vay với lãi suất là 0% (không phần trăm), thời hạn hoàn trả tùy theo nhu cầu đầu tư của Tập đoàn khi nhận được Thông báo hoàn trả trước 30 (ba mươi) ngày.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam,
 Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác
5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	Giá trị VND	31/12/2021 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2021 Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm - ứng trước tiền góp vốn	10.425.000	-	10.425.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Tạm ứng cho nhân viên	1.789.770.685	(1.203.270.685)	1.905.969.685	(1.211.270.685)
Lãi dư thu	222.684.932	-	603.469.865	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	100.934.113	-	100.747.801	-
BHXX nộp thừa	22.398.428	-	22.398.178	-
Công ty cổ phần TM Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn - Cổ tức	1.031.649.425	-	115.769.425	-
Phải thu khác	3.701.747.855	(2.953.665.905)	3.703.684.152	(2.953.665.905)
	6.879.610.438	(4.156.936.590)	6.462.464.106	(4.164.936.590)

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	Giá trị VND	31/12/2021 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2021 Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Ký cược, ký quỹ dài hạn	500.000.000	-	500.000.000	-
	500.000.000	-	500.000.000	-

5.7 Nợ xấu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự phòng cho phải thu khách hàng khó đòi	16.636.307.100	14.133.110.662
Dự phòng cho phải thu ngắn hạn khác	4.156.936.590	4.164.936.590
Dự phòng cho các khoản trả trước người bán	1.198.815.407	1.198.815.407
	21.992.059.097	19.496.862.659

	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	31/12/2021 Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	01/01/2021 Dự phòng VND
Phải thu khách hàng						
Bên liên quan						
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Trên 3 năm	107.732.930	(107.732.930)	Trên 3 năm	107.732.930	(107.732.930)
Các đối tượng khác						
Công ty TNHH TM DV KT Điện Thành Công	Trên 3 năm	3.878.297.384	(3.878.297.384)	Trên 3 năm	3.878.297.384	(3.878.297.384)
Công ty TNHH Hoàng Trung	Trên 3 năm	2.466.577.510	(2.466.577.510)	Trên 3 năm	2.466.577.510	(2.466.577.510)
Công ty TNHH Tiểu Hưng Long	Trên 3 năm	1.825.472.115	(1.825.472.115)	Trên 3 năm	1.825.472.115	(1.825.472.115)
Công ty TNHH Thiện Trần	Trên 3 năm	1.438.306.242	(1.438.306.242)	Trên 3 năm	1.438.306.242	(1.438.306.242)
Công ty TNHH Du lịch Kim Thiện An	1 - 2 năm	5.428.508.862	(2.295.979.088)		-	-
Khách hàng khác		4.732.484.181	(4.623.941.831)		4.464.598.681	(4.416.724.481)
		4.156.936.590	(4.156.936.590)		4.164.936.590	(4.164.936.590)
Phải thu khác						
Trả trước cho người bán		1.198.815.407	(1.198.815.407)		1.198.815.407	(1.198.815.407)
		25.233.131.221	(21.992.059.097)		19.544.736.859	(19.496.862.659)

Nợ xấu (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	19.496.862.659	19.622.941.485
Trích lập trong năm	2.506.722.238	105.248.174
Hoàn nhập trong năm	(11.525.800)	(231.327.000)
Số dư cuối năm	21.992.059.097	19.496.862.659

5.8 Hàng tồn kho

	Giá trị VND	31/12/2021 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2021 Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	268.362.612	-	329.877.965	-
Công cụ, dụng cụ	232.992.777	-	211.994.245	-
Hàng hóa	452.755.899	-	493.247.893	-
	954.111.288	-	1.035.120.103	-

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	109.471.740	48.303.208
Chi phí sửa chữa	43.397.726	155.051.609
Chi phí khác	42.883.380	185.668.656
	195.752.846	389.023.473

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Giá trị lợi thế thương mại	1.162.503.243	1.720.504.791
Chi phí sửa chữa, đầu tư cải tạo	323.377.737	1.133.158.372
Chi phí công cụ, dụng cụ	513.354.364	1.250.896.771
Chi phí trả trước dài hạn khác	310.152.798	522.198.056
	2.309.388.142	4.626.757.990

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thới Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản có định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2021	171.028.616.690	12.464.945.394	6.417.777.612	855.447.713	3.738.739.154	194.505.526.563
Thanh lý trong năm	-	(68.082.327)	(2.163.307.190)	-	-	(2.231.389.517)
Tại ngày 31/12/2021	171.028.616.690	12.396.863.067	4.254.470.422	855.447.713	3.738.739.154	192.274.137.046
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2021	93.833.264.184	10.401.041.516	5.238.500.441	822.685.247	1.933.795.021	112.229.286.409
Khấu hao trong năm	8.025.250.471	728.637.221	265.956.468	10.690.908	277.773.312	9.308.308.380
Thanh lý trong năm	-	(68.082.327)	(2.163.307.190)	-	-	(2.231.389.517)
Tại ngày 31/12/2021	101.858.514.655	11.061.596.410	3.341.149.719	833.376.155	2.211.568.333	119.306.205.272
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2021	77.195.352.506	2.063.903.878	1.179.277.171	32.762.466	1.804.944.133	82.276.240.154
Tại ngày 31/12/2021	69.170.102.035	1.335.266.657	913.320.703	22.071.558	1.527.170.821	72.967.931.774
<i>Trong đó:</i>						
<i>Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng</i>						
Tại ngày 01/01/2021	12.167.726.002	5.773.712.759	3.951.260.190	801.993.167	1.087.871.308	23.782.563.426
Tại ngày 31/12/2021	12.909.913.088	7.499.089.886	1.787.953.000	801.993.167	1.087.871.308	24.086.820.449

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
5.11.1 Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	[a] 12.367.276.205	-	8.793.922.151	(*)
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đam	[b] -	-	-	(*)
	12.367.276.205	-	8.793.922.151	
5.11.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	28.602.790.000	-	28.602.790.000	(*)
Công ty cổ phần Lạc Việt	13.000.000.000	(10.786.319.071)	13.000.000.000	(*)
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	9.390.560.000	-	9.390.560.000	(*)
Công ty cổ phần Du lịch Sinh thái Long Hải	3.468.701.654	(745.753.757)	3.468.701.654	(*)
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đam	2.784.000.000	(2.784.000.000)	2.784.000.000	(*)
Công ty cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu Giải trí	1.169.190.000	(1.169.190.000)	1.169.190.000	(*)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Điện Thành Công	800.000.000	(800.000.000)	800.000.000	(*)
Công ty cổ phần San Hồ Xanh Côn Đảo	800.000.000	(30.169.025)	800.000.000	(*)
Công ty cổ phần Du lịch An Hoa	500.000.000	(179.123.660)	500.000.000	(*)
Hợp tác xã Du lịch Biển Xanh	10.000.000	-	10.000.000	(*)
Công ty cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	2.452.372.777	(2.452.372.777)	-	(*)
	62.977.614.431	(18.946.928.290)	60.525.241.654	(13.520.158.055)
	75.344.890.636	(18.946.928.290)	69.319.163.805	(13.520.158.055)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính trên do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	13.520.158.055	8.405.092.265
Trích lập trong năm	2.974.397.458	5.291.903.994
Hoàn nhập trong năm	-	(176.838.204)
Phân loại lại từ chứng khoán kinh doanh	2.452.372.777	-
Số dư cuối năm	18.946.928.290	13.520.158.055

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

- [a] Công ty cổ phần Đầu tư khách sạn Biển Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500770108 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 9 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Công ty cổ phần Đầu tư khách sạn Biển Đông đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- [b] Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501454916 ngày 28 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 6023/UBND-VP ngày 02/08/2016 về việc chấm dứt hiệu lực chủ trương cho Công ty cổ phần Giải trí Minh Đạm đầu tư Dự án Khu du lịch vui chơi, giải trí và thể thao quốc phòng tại Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- [c] Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500613923 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 1114/UBND-VP ngày 02/06/2014 về việc thu hồi 152.619,5m² đất cho Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm thuê để thực hiện Dự án Khu du lịch vui chơi, giải trí và thể thao quốc phòng tại Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Tập đoàn có các cam kết góp vốn nhưng chưa thực hiện tại ngày 31/12/2021:

	Vốn điều lệ của đơn vị nhận đầu tư VND	Vốn cam kết VND	Tình hình góp vốn của Tập đoàn	
			Vốn đã góp đến 31/12/2021 VND	Vốn chưa góp đến 31/12/2021 VND
Công ty liên kết				
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	20.000.000.000	7.000.000.000	1.190.000.000	5.810.000.000
Đầu tư góp vốn khác				
Công ty cổ phần Du lịch Sinh Thái Long Hải	60.000.000.000	3.500.000.000	3.468.701.654	31.298.346
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm	100.000.000.000	10.000.000.000	2.784.000.000	7.216.000.000

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Hộ kinh doanh Trịnh Thị Nhân	441.362.500	441.362.500	-	-
Ông Phạm Văn Lâm	428.156.000	428.156.000	53.428.000	53.428.000
Các nhà cung cấp khác	1.260.498.227	1.260.498.227	1.508.196.249	1.508.196.249
	2.130.016.727	2.130.016.727	1.561.624.249	1.561.624.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021		Số phát sinh trong năm		31/12/2021	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT đầu ra	-	376.116.206	3.334.109.920	(3.299.341.772)	-	410.884.354
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	3.214.311	-	-	-	3.214.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	308.146.087	28.895.002	-	(50.000.000)	329.251.085	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	64.402.947	126.190.194	(194.425.956)	19.544.078	15.711.264
Thuế nhà đất, tiền thuế đất (ii)	-	19.503.461.353	11.437.194.274	(17.328.545.958)	15.922.446.770	29.534.556.439
(i.a)	-	19.503.461.353	11.437.194.274	(1.406.099.188)	-	29.534.556.439
(i.b)	-	-	-	(15.922.446.770)	15.922.446.770	-
Các loại thuế khác	6.657	1.532.910	365.806.881	(368.432.035)	1.247.126	148.225
	308.152.744	19.977.622.729	15.263.301.269	(21.240.745.720)	16.272.489.059	29.964.514.593

(i.a) Xem thêm tại thuyết minh số 8.2

(i.b) Khoản cường chế từ tài khoản tiền gửi ngân hàng theo Quyết định số 2734/QĐ-CCTKV, 2735/QĐ-CCTKV, 2736/QĐ-CCTKV, 2737/QĐ-CCTKV, 2738/QĐ-CCTKV, 2739/QĐ-CCTKV và 2740/QĐ-CCTKV ngày 12/04/2021 của Chi cục thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo.

Trong đó:

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	15.523.642.677
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	398.804.093
	15.922.446.770

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của các công ty trong Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế. Do đó, số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀUSố 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam,
Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**THUYẾT MINH BÁO CÁO****TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông - Tiền thuê đất	21.642.100	21.642.100
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm - Thuế GTGT	15.195.727	15.195.727
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	83.101.321	111.952.939
Cổ tức phải trả (năm 2011)	10.332.391.800	10.332.391.800
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.121.850.000	2.002.783.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.135.237.610	1.216.157.585
	13.709.418.558	13.700.123.151

5.14.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Sở Tài Chính Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Tạm ứng vốn kinh doanh	249.800	249.800
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	596.948.850	628.465.850
	597.198.650	628.715.650

5.15 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Giá trị VND	31/12/2021 Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	01/01/2021 Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613
	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613

Vay dài hạn - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Khoản vay phát sinh trước cổ phần hóa và hiện đã được khoan nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm:

	01/01/2021 VND	Vay trong năm VND	Thanh toán VND	31/12/2021 VND
<i>Vay dài hạn</i>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	14.052.342.613	-	-	14.052.342.613
	14.052.342.613	-	-	14.052.342.613

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀUSố 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam,
Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**THUYẾT MINH BÁO CÁO****TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.16 Vốn chủ sở hữu**5.16.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ đầu tư	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	186.445.000.000	11.238.309.719	(27.089.109.346)	9.434.715.834	180.028.916.207
Lỗi năm 2020	-	-	(17.244.349.913)	479.110.864	(16.765.239.049)
Chia cổ tức	-	-	-	(637.910.710)	(637.910.710)
Tại ngày 31/12/2020	186.445.000.000	11.238.309.719	(44.333.459.259)	9.275.915.988	162.625.766.448
Tại ngày 01/01/2021	186.445.000.000	11.238.309.719	(44.333.459.259)	9.275.915.988	162.625.766.448
Lỗi năm 2021	-	-	(18.741.033.457)	(406.527.885)	(19.147.561.342)
Tại ngày 31/12/2021	186.445.000.000	11.238.309.719	(63.074.492.716)	8.869.388.103	143.478.205.106

5.16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp:

Vốn điều lệ: 186.445.000.000 VND
 Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND
 Tổng số cổ phần: 18.644.500 cổ phần

	Số cổ phần	31/12/2021		Số cổ phần	01/01/2021	
		Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)		Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đồng						
Ủy ban Nhân dân						
Tỉnh Bà Rịa – Vũng						
Tàu	10.978.400	109.784.000.000	58,88	10.978.400	109.784.000.000	58,88
Các cổ đồng khác	7.666.100	76.661.000.000	41,12	7.666.100	76.661.000.000	41,12
	18.644.500	186.445.000.000	100,00	18.644.500	186.445.000.000	100,00

5.16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	2021 VND	2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	186.445.000.000	186.445.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	186.445.000.000	186.445.000.000

5.16.4 Cổ phiếu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.644.500	18.644.500
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.644.500</i>	<i>18.644.500</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.644.500	18.644.500
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.644.500</i>	<i>18.644.500</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu</i>		

5.17 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại	31/12/2021	01/01/2021
Dollar Mỹ (USD)	332,20	332,20

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn, vui chơi, giải trí...	44.351.015.240	71.664.299.724
Doanh thu dịch vụ lữ hành	236.350.651	1.504.137.723
Cộng	44.587.365.891	73.168.437.447

6.2 Giá vốn hàng bán

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn dịch vụ nhà hàng, khách sạn, vui chơi, giải trí...	28.443.161.639	40.181.955.537
Giá vốn dịch vụ lữ hành	578.605.031	1.652.093.041
	29.021.766.670	41.834.048.578

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi	1.679.530.518	2.688.766.142
Chuyển nhượng quyền mua 220.000 cổ phần San Hô Xanh Côn Đảo	-	220.000.000
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu Công ty TNHH Du lịch Nam Biển Đông	-	4.330.064.913
Cổ tức được chia	1.831.760.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	98.705
	3.511.290.518	7.238.929.760

6.4 Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	2.974.397.458	5.115.067.758
	2.974.397.458	5.115.067.758

6.5 Chi phí bán hàng

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	4.852.843.580	10.001.564.881
Chi phí khấu hao	2.048.793.004	2.182.561.216
Chi phí khác	3.354.393.407	7.649.243.718
	10.256.029.991	19.833.369.815

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀUSố 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam,
Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**THUYẾT MINH BÁO CÁO****TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	12.018.685.362	16.279.371.607
Chi phí tiền thuê đất	1.080.723.204	6.302.862.328
Chi phí dự phòng	7.778.011.574	(126.078.826)
Chi phí khác	4.815.439.492	7.365.074.186
	25.692.859.632	29.821.229.295
6.7 Thu nhập khác	2021 VND	2020 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	1.069.328.567	-
Hoàn nhập khoản truy thu thuế Lũy hành Vũng Tàu	-	138.184.049
Thu nhập khác	54.113.503	111.026.539
	1.123.442.070	249.210.588
6.8 Chi phí khác	2021 VND	2020 VND
Phạt thuế, vi phạm hành chính	113.912.689	211.578.130
Chi phí khác	244.880.353	7.800.550
	358.793.042	219.378.680
6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	-	165.143.081
	-	165.143.081
6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(18.741.033.457)	(17.244.349.913)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(18.741.033.457)	(17.244.349.913)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	18.644.500	18.644.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.005)	(925)
Thông tin khác		
Không có giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.		
6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	6.530.726.589	14.072.446.707
Chi phí nhân viên	21.846.766.022	34.551.947.074
Chi phí khấu hao	9.308.308.380	9.630.374.098
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.963.786.301	21.448.731.529
Chi phí khác	11.321.069.001	11.785.148.280
	64.970.656.293	91.488.647.688

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro về lãi suất

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tập đoàn có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

7.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

7.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản nợ gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Phải trả người bán	2.130.016.727	-	-	2.130.016.727
Các khoản vay	-	-	14.052.342.613	14.052.342.613
Phải trả khác, chi phí phải trả	14.207.217.237	508.715.650	88.483.000	14.804.415.887
	16.337.233.964	508.715.650	14.140.825.613	30.986.775.227
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán	1.561.624.249	-	-	1.561.624.249
Các khoản vay	-	-	14.052.342.613	14.052.342.613
Phải trả khác, chi phí phải trả	13.919.369.762	32.000.000	596.715.650	14.548.085.412
	15.480.994.011	32.000.000	14.649.058.263	30.162.052.274

Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	31/12/2021 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2021 VND	31/12/2021 VND	Giá trị hợp lý 01/01/2021 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản phải thu				
Phải thu khách hàng	7.348.201.864	5.974.436.871	7.348.201.864	5.974.436.871
Phải thu về cho vay ngắn hạn	5.605.021.830	5.605.021.830	5.605.021.830	5.605.021.830
Phải thu khác	5.567.441.325	5.034.096.243	5.567.441.325	5.034.096.243
Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	24.000.000.000	30.500.000.000	24.000.000.000	30.500.000.000
Đầu tư góp vốn đơn vị khác	44.030.686.141	47.005.083.599	44.030.686.141	47.005.083.599
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.155.442.523	21.709.010.385	13.155.442.523	21.709.010.385
	99.706.793.683	115.827.648.928	99.706.793.683	115.827.648.928
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Phải trả người bán	2.130.016.727	1.561.624.249	2.130.016.727	1.561.624.249
Các khoản vay	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613	14.052.342.613
Phải trả khác	14.804.415.887	14.548.085.412	14.804.415.887	14.548.085.412
	30.986.775.227	30.162.052.274	30.986.775.227	30.162.052.274

Giá trị hợp lý (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Ông Thái Hoàng Thân	318.775.000	630.165.332
Ông Lê Chí Toàn	238.075.000	293.750.000
	556.850.000	923.915.332

Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Tập đoàn không có giao dịch phát sinh với các bên liên quan khác.

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác

Bên liên quan	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông Tiền thuê đất	(21.642.100)	(21.642.100)
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm Phải thu thương mại	107.732.930	107.732.930
Phải thu khác	10.425.000	10.425.000
Phải trả khác	(15.195.727)	(15.195.727)

8.2 Tiền thuê đất, tiền thuê cơ sở hạ tầng

Diện tích đất mà Công ty mẹ và công ty con - Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong đang quản lý sử dụng tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân bao gồm:

	Công ty mẹ m ²	Công ty con m ²	Cộng m ²
Diện tích thuê đất	54.171,10	32.835,90	87.007,00
Trong đó:			
Diện tích tính tiền thuê đất	40.962,80	21.249,60	62.212,40
Diện tích bãi cát	13.208,30	11.586,30	24.794,60

Tiền thuê cơ sở hạ tầng gồm:

Khoản truy thu tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đã đầu tư, Công ty mẹ đang quản lý và sử dụng nhưng không nộp tiền thuê hạ tầng từ lúc sử dụng cho đến nay.

Khoản truy thu tiền thuê cơ sở hạ tầng tại đoạn Ngã 3 Đài Liệt sỹ đến Tôm Càng Xanh do ngân sách Tỉnh đã đầu tư, công ty con đang quản lý và sử dụng nhưng không nộp tiền thuê hạ tầng từ lúc sử dụng cho đến nay.

Tiền thuê đất phải nộp

Từ năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Theo các Quyết định và Kết luận của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty mẹ và công ty con - Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong phải ghi nhận chi phí và nộp tiền thuê đất, thuê hạ tầng tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, cụ thể:

	Từ năm 2006 đến năm 2017 VND	Đã ghi nhận vào BCTC các năm VND	Số chưa ghi nhận vào BCTC VND
Theo Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/09/2018, Quyết định số 172/QĐ-TTr và Quyết định số 182/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu			
Tiền thuê đất	107.498.702.141	16.399.423.990	91.099.278.151
Tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư	3.658.061.609	-	3.658.061.609
Kết luận Thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/09/2018 và Quyết định số 173/QĐ-TTr và Quyết định số 177/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu			
Tiền thuê đất	33.055.916.899	4.658.325.840	28.397.591.059
Tiền thuê cơ sở hạ tầng do Ngân sách Tỉnh đầu tư	3.582.625.227	-	3.582.625.227
Cộng [a]	147.795.305.876	21.057.749.830	126.737.556.046

CÔNG TY CỔ PHẦN DU DỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀUSố 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam,
Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**THUYẾT MINH BÁO CÁO****TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2021

Theo các Thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu, tiền thuê đất tại Khu vực Bãi tắm Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu cho năm tài chính 2018, 2019, 2020 và năm tài chính 2021 như sau:

		Thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu	Thông báo số 9774/TB-CCTKV ngày 29/12/2021 VND	Đã ghi nhận vào BCTC các năm VND	Số chưa ghi nhận vào BCTC VND
Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu					
Tiền thuê đất năm 2018	3305/160/TB-CCT ngày 27/04/2018;	15.015.061.246	(2.694.982.025)	2.945.618.760	9.374.460.461
	8927/160/TB-CCT ngày 26/09/2018				
Tiền thuê đất năm 2019	3590/160/TB-CCT ngày 22/04/2019;	21.021.085.744	(3.772.974.835)	2.945.618.760	14.302.492.149
	10142/160/TB-CCT ngày 20/09/2019				
Tiền thuê đất năm 2020	1926/152/TB-CCT ngày 24/04/2020;	26.306.584.390	(4.721.600.533)	2.945.618.760	18.639.365.097
	8934/152/TB-CCT ngày 18/09/2020				
Tiền thuê đất năm 2021	3288/149/TB-CCTKV ngày 26/04/2021; 6601/46/TB- CCTKV ngày 24/09/2021	26.306.584.391	(2.754.266.979)	2.945.618.760	20.606.698.652

Số tiền thuê đất giảm của phần diện tích bãi cát được tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 13/07/2021 là 13.943.824.372 VND.

		Thông báo tạm nộp tiền thuê đất của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu	Thông báo số 9669/TB-CCTKV ngày 28/12/2021 VND	Đã ghi nhận vào BCTC các năm VND	Số chưa ghi nhận vào BCTC VND
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong					
Tiền thuê đất năm 2018	3305/144/TB-CCT ngày 27/04/2018;	9.053.108.532	(2.396.695.673)	1.372.817.880	5.283.594.979
	8927/144/TB-CCT ngày 26/09/2018				
Tiền thuê đất năm 2019	3590/144/TB-CCT ngày 22/4/2019;	12.674.351.944	(3.355.373.942)	1.372.000.000	7.946.978.002
	10142/144/TB-CCT ngày 20/09/2019				
Tiền thuê đất năm 2020	1926/137/TB-CCT ngày 24/04/2020;	15.861.162.694	(4.199.003.728)	1.372.000.000	10.290.158.966
	8934/137/TB-CCT ngày 18/09/2020				
Tiền thuê đất năm 2021	3822/137/TB-CCT ngày 26/04/2021; 6601/48/TB- CCTKV ngày 24/09/2021	15.861.162.695	(2.449.418.841)	1.372.000.000	12.039.743.854

Số tiền thuê đất giảm của phần diện tích bãi cát được tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 13/07/2021 là 12.400.492.184 VND.

Cộng [b]	142.099.101.636	(26.344.316.556)	17.271.292.920	98.483.492.160
Tổng cộng [a] + [b]	289.894.407.512	(26.344.316.556)	38.329.042.750	225.221.048.206

Căn cứ văn bản số 19121/UBND-VP ngày 16/12/2021 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc đồng ý theo kiến nghị của Thanh tra Tỉnh tại văn bản số 1961/TTr-NV2 ngày 07/12/2021 không tính tiền thuê đất phần diện tích bãi cát đối với các doanh nghiệp tại Bãi Sau (từ ngày 01/01/2018 trở về sau) do bãi cát sử dụng công cộng (không sử dụng vào mục đích kinh doanh) và văn bản số 9616/CT-HKDCN ngày 22/12/2021 của Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc xử lý kiến nghị của các doanh nghiệp về tiền thuê đất từ sau ngày 01/01/2018 liên quan diện tích bãi cát tại Bãi Sau, Thành phố Vũng Tàu, theo đó, Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo thông báo về việc điều chỉnh tiền thuê đất khu vực Bãi Sau, Thành phố Vũng Tàu (không bao gồm diện tích bãi cát của Công ty mẹ là 13.208,30 m² và công ty con là 11.586,30 m²).

8.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Hoạt động của Tập đoàn bao gồm:

Kinh doanh khách sạn và các dịch vụ đi kèm: bao gồm khách sạn, nhà hàng dịch vụ ăn uống, giải khát, kinh doanh khu du lịch, vui chơi, giải trí ; và
Đại lý lữ hành và điều hành tour du lịch.

Chi tiết kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh trong năm như sau:

	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng VND	Kinh doanh lữ hành VND	Cộng VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.351.015.240	236.350.651	44.587.365.891
Doanh thu hoạt động tài chính	3.445.360.119	117.371	3.445.477.490
Thu nhập khác	1.123.442.070	-	1.123.442.070
	48.919.817.429	236.468.022	49.156.285.451
Giá vốn hàng bán	28.443.161.639	578.605.031	29.021.766.670
Chi phí tài chính	2.974.397.458	-	2.974.397.458
Chi phí bán hàng	10.256.029.991	-	10.256.029.991
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.441.657.472	251.202.160	25.692.859.632
Chi phí khác	358.793.042	-	358.793.042
	67.474.039.602	829.807.191	68.303.846.793
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(18.554.222.173)	(593.339.169)	(19.147.561.342)

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính và sau ngày kết thúc năm tài chính

Các sự kiện quan trọng bao gồm:

1. Từ đầu năm 2021, sự tiếp tục lây lan của dịch bệnh Covid 19 đã, đang tác động đến nền kinh tế của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Đặc biệt, các hoạt động kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, lữ hành và các khu du lịch giải trí đã phải chịu ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

Tại ngày lập báo cáo này, tình hình dịch bệnh Covid 19 tiếp tục ảnh hưởng có tác động tiêu cực đến mọi hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế và xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ. Công ty đã tạm đình chỉ các hoạt động nhà hàng, khách sạn và lữ hành theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về "Thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid 19" và Ủy ban nhân dân Thành phố Vũng Tàu. Ban Giám đốc Công ty đã có những đánh giá mức độ ảnh hưởng do dịch bệnh Covid 19 tác động và chủ động xem xét lại các chiến lược kinh doanh để ứng phó với tình hình kinh doanh hiện tại.

2. Tập đoàn nhận được Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 13/08/2021 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thu hồi đất tại số 08 Thùy Vân (phía biển), Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu (Khu du lịch Biển Đông) mà Công ty mẹ sử dụng từ tháng 11 năm 1999 cho đến nay và số 06 Thùy Vân (phía biển), Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu (Khu du lịch Nghinh Phong) mà công ty con sử dụng từ năm 2013 cho đến nay, nhưng không có hợp đồng thuê đất, thuê mặt bằng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, UBND thành phố Vũng Tàu đang thực hiện công tác thu hồi và dự kiến đền bù theo quy định của pháp luật.



NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng



THÁI HOÀNG THÂN
Chủ tịch

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2022